TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Th và bà Hứa Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đ – Thư ký Tòa án nhân dân vực 10 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý D – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2025/DS-ST ngày 11/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-DS ngày 10/4/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 33/2026/QĐST-DS ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần MBN J; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Central Point, số 219 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Jupiter: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1980; CCCD số: 042080000006 – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Anh Tuấn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1994; CCCD số: 042094002221 – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Auto (Theo văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGĐ ngày 29/8/2025). Ông Nguyễn Phúc T uỷ quyền cho ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1992; CCCD số: 001092018305 – Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Phạm Văn B, sinh năm 1994; CCCD số: 030094001695 – Chuyên viên xử lý nợ; đều có địa chỉ làm việc tại: Tầng 15, tòa nhà Central Point, số 219 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội *(Theo văn bản ủy quyền số 60109/2025/UQ-XLN-J ngày 20/09/2025).* Ông B có mặt, ông T1 vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 030076000771 và bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 001182013710. Đều có địa chỉ: Xóm 2, thôn Quỳnh Khê, xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng. Có mặt ông Dương, vắng mặt bà Thuỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giair quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần MBN J trình bày: Ngày 08/3/2016, ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ ký Hợp đồng tín dụng số: 6417141 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng (VP Bank) và Khế ước nhận nợ lần 1 số: 6417141 ngày 09/3/2016 để vay số tiền 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu HOWO, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167 và xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN , biển kiểm soát 34R-013.72, số khung 3GE4F0005792, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 . Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân hai bên thoả thuận là 8,6%/năm *(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày)*. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của VPBank thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 83 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn được áp dụng bằng lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Dương, bà T2 đã thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 6417131 ngày 08/3/2016 gồm: 01 ô tô đầu kéo nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016168 cấp ngày 23 tháng 02 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Văn Dương; 01 sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72 , số khung 3GE4F0005792 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ Moóc số 001329 ngày 28 tháng 2 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Văn Dương. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ mới trả được cho Ngân hàng VPBank số tiền nợ gốc là 247.964.123 đồng, nợ lãi trong hạn là 83.972.752 đồng. Từ

ngày 09/03/2017, ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay của ông bà chuyển sang quá hạn.

Ngày 27/12/2024, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần MBN J ký Hợp đồng mua bán nợ số: 15/2024/VPB-J và các phụ lục đính kèm giữa ngân hàng VPbank với Công ty Cổ Phần MBN J (Công ty Jupiter). Theo đó, Ngân hàng VP Bank đã chuyển giao các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 đã ký kết với Ngân hàng VP Bank cho Công ty Jupiter. Sau khi tiếp nhận khoản nợ trên, Công ty J đã thông báo cho ông Dương, bà Thuỳ đồng thời yêu cầu ông Dương, bà Thuỳ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông D và bà Thuỳ không thực hiện. Nay Công ty J xác định ông Dương, bà Thuỳ còn nợ công ty Jupier số tiền gốc là: 632.035.877đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3 là: 1.656.243.653 đồng tiền lãi. Do đó, Công ty J yêu cầu Toà án xem xét buộc ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên; Yêu cầu Toà án tiếp tục tính lãi theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Dương, bà Thuỳ thực tế thanh toán nợ. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu Toà án tuyên trong bản án về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản đảm bảo là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167; 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-031.72, số khung 3GE4F0005729 đều mang tên quyền sử hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông và bà Hoàng Thị T2 , sinh năm 1982 là vợ chồng. Vào năm 2016 do có nhu cầu vay vốn làm ăn, ông bà đã ký Hợp đồng tín dụng số 6417141 ngày 08/3/2016 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VP Bank) để vay số tiền 880.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay là mua xe ô tô đầu kéo và xe sơ mi rơ mooc. Việc giải ngân được thực hiện một lần bằng tiền mặt vào ngày 09/3/2016. Mức lãi suất cụ thể được quy định tại khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ lần 1 số 6417141 ngày 09/3/2016 là: Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,6%/năm, mức lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 03 tháng, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, mức lãi suất cụ thể được quy định tại khế ước nhận nợ. Việc trả nợ gốc và lãi được thực hiện định kỳ 01 lần/tháng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông bà đã thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167 và 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72, số khung 3GE4F0005792. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã trả được số tiền gốc là 247.964.123 đồng và khoản lãi

hàng tháng kèm theo. Đến thời điểm nào, ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông không nhớ rõ. Tuy nhiên, tại thời điểm vi phạm, phía ngân hàng đã đến thu xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72 nêu trên để bán lại cho người khác. Còn đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99 thì hiện nay ông đang để cho em của ông mượn để chạy chung chuyển tại các kho. Năm 2024, ông và bà Hoàng Thị Thuỳ ly hôn, khi đó 2 bên không yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung, nhưng hai bên có tự thống nhất với nhau ông là người trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng VP Bank. Ông cũng đã được biết khoản nợ nêu trên của vợ chồng ông đã được Ngân hàng VP Bank bán lại cho Công ty Jupiter, phía Công ty J cũng đã nói chuyện, đôn đốc vợ chồng ông về khoản nợ này nhưng ông và bà Thuỳ chưa có tiền để trả nợ. Nay ông D xác định hiện còn nợ Công ty J số tiền nợ gốc là: 632.035.877đồng, Công ty J khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả toàn bộ tiền dư nợ gốc và lãi cho J theo Hợp đồng vay và khế ước nhận nợ kèm theo thì ông nhất trí. Nhưng do hiện nay kinh tế khó khăn nên ông D mong muốn phía nguyên đơn xem xét miễn cho ông phần lãi và cho ông được trả dần gốc. Hiện nay ông và bà Thuỳ đã ly hôn nên ông xin tự nguyện trả nợ thay bà Hoàng Thị T2 phần nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Công ty Jupiter. Nếu như ông vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì ông nhất trí để cho Công ty J yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC A7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167 mang tên ông Dương.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2026 thể hiện: Tại thời điểm Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016168 mang tên ông Nguyễn Văn D không dừng/ đỗ tại địa phương nên Toà án không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe nêu trên được. Ông Nguyễn Văn D có mặt để chứng kiến việc Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và phát biểu ý kiến hiện nay chiếc xe trên ông đang cho người anh em xã hội mượn để mang lên tỉnh Lạng Sơn làm, chiếc xe này đang dừng/đỗ tại đâu thì ông ông nắm rõ và hiện tại ông không liên lạc được với người đã mượn chiếc xe này. Ông D xác định chiếc xe trên ông không bán cho người khác.

Tại biên bản làm việc với bà Lương Thị Huệ - Công chức Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng thể hiện: Qua tra cứu thông tin hồ sơ lưu trữ tại kho lưu trữ Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (cũ) thể hiện có 01 hồ sơ thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024 có nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thuỳ, sinh năm 1982 và bị đơn là ông Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1976 đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn Quỳnh Khê, xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng. Vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 205/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2024.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty J đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty J số tiền dư nợ gốc là: 632.035.877đồng, số tiền lãi đến ngày xét xử 19/5/2026 là 1.591.065.182 đồng. Trong đó, lãi trong hạn là 19.173.517đồng, lãi quá hạn là 968.659.156 đồng, lãi chậm trả là 603.232.509đồng. Nhất trí để ông D trả nợ thay phần nghĩa vụ trả nợ của bà Thuỳ. Bị đơn ông D đề nghị Công ty J cho ông được trả dần số nợ gốc còn lại và xin miễn toàn bộ tiền lãi và tự nguyện trả nợ thay cho bà Thuỳ phần nghĩa vụ bà Thuỳ phải trả nợ cho Công ty Jupiter.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử đều được thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D, bà T2 có nghĩa vụ phải thanh toán tiền dư nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6417141 ngày 08/3/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 6417141 ngày 09/3/2016 tạm tính đến ngày 19/5/2026 là 2.223.101.059 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ tục phải trả lãi cho Công ty cổ phần MBN J theo lãi suất theo Hợp đồng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Ngoài ra, quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý tài sản thế chấp như trong Hợp đồng thế chấp các đương sự đã ký kết và giải quyết về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 có nơi cư trú tại xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hoàng Thị T2 là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị T2.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần MBN J thì thấy:

Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số 6417141 ngày 08/3/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 6417141 ngày 09/3/2016 đã xác định được vợ chồng ông

Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - chi nhánh Hải D số tiền 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) để thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu HOWOA7 và 01 sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN với thời hạn vay 60 tháng. Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật, hình thức và nội dung của hợp đồng là phù hợp so với các quy định của pháp luật. Ngày 27/12/2024, Ngân hàng VP Bank đã chuyển giao các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị T2 đã ký kết với Ngân hàng VP Bank cho Công ty cổ phần MBN J theo Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-J và phụ lục hợp đồng kèm theo. Xét thấy, đây là việc mua bán nợ giữa Ngân hàng VPBank cho Công ty cổ phần MBN J là giao dịch dân sự thuần tuý, hợp pháp và không trái với quy định của pháp luật. Việc chuyển nghĩa vụ thu hồi nợ gốc và lãi từ Ngân hàng VPbank sang cho Công ty J không làm mất đi bản chất của việc ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn xác định bị đơn mới trả cho Ngân hàng Vpbank số tiền nợ gốc là 247.964.123 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, một trăm hai mươi ba đồng). Bị đơn cũng xác nhận phù hợp với nguyên đơn về việc mới trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 247.964.123 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần MBN J là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Thuỳ phải trả số tiền dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 6417141 ngày 08/3/2016 là 632.035.877 đồng (Sáu trăm ba mươi hai triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Về yêu cầu tính lãi: Công ty cổ phần J yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi tính đến hết ngày Toà xét xử vụ án 19/5/2026 là 1.591.065.182 đồng. Bao gồm: lãi trong hạn là 19.173.517 đồng, lãi quá hạn 968.659.156 đồng, lãi chậm trả: 603.232.509 đồng. Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6417141 ngày 08/3/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 6417141 ngày 09/3/2016 thì thấy rằng khi Ngân hàng VPBank và ông Nguyễn Văn Dương, bà Hoàng Thị Thuỳ khi giao kết hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất, phí và các chi phí khác cũng như nợ quá hạn. Việc thỏa thuận giữa các bên về lãi suất không trái quy định của pháp luật. Ông Dương, bà Thuỳ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 09/3/2017 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 09/3/2017 đối với số tiền gốc của hợp đồng tín dụng. Theo đó, tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả được tính trên cơ sở là 365 ngày. Số tiền lãi bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức: (số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế x lãi suất tính lãi): 365 ngày. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm

chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền lãi là: 1.591.065.182 đồng là phù hợp. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, ông D và bà Thuỳ tiếp tục phải trả lãi cho Công ty cổ phần MBN J theo lãi suất theo Hợp đồng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Xem xét về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn D về việc tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Hoàng Thị T2 cho Công ty J thì thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 205/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải D thể hiện về tài sản chung, vay nợ chung giữa ông D và bà Thuỳ chưa được giải quyết, do đó bà Thuỳ vẫn phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung với ông Dương. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty J cũng hoàn toàn nhất trí với đề nghị của ông Dương. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của hai bên, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của các đương sự cũng là phù hợp.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp số: 6417141 ngày 08/3/2016 thì thể hiện tài sản thế chấp gồm có: 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016168 ngày 23 tháng 02 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Văn Dương; 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72, số khung 3GE4F0005792, Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ Moóc số 001329 ngày 23 tháng 2 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Văn Dương. Xét thấy, hợp đồng thế chấp nói trên được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị ghi trong bản án về việc Công ty cổ phần MBN J có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn cùng xác định chiếc xe Sơmi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72, số khung 3GE4F005792, Giấy chứng nhận đăng ký số 001329 ngày 23/2/2016 mang tên ông Nguyễn Văn D đã được thu hồi trước đó để xử lý tài sản thế chấp cho một phần khoản vay nên nguyên đơn rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với chiếc xe sơmi rơ mooc nêu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe doạ, ép buộc nên cần chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn không đề nghị Toà giải quyết về chi phí tố tụng nên không đặt ra việc xem xét.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn D tự nguyện chịu cả án phí thay cho bà D Thị Thuỳ nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông Dương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần MBN Jupiter. Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho Công ty Cổ phần MBN J số tiền dư nợ gốc là: **632.035.877** đồng *(Sáu trăm ba hai triệu không trăm ba lăm nghìn tám trăm bảy bảy đồng)* và số tiền lãi tạm tính đến ngày 19/5/2026 là: **1.591.065.182** đồng *(Một tỷ năm trăm chín mốt triệu không trăm sáu lăm nghìn một trăm tám hai đồng)*. Trong đó lãi trong hạn là 19.173.517 đồng; lãi quá hạn là 968.695.156 đồng; lãi chậm trả là 603.232.509 đồng. Kể từ sau ngày 19/5/2026, ông Nguyễn Văn D tiếp tục phải chịu tiền lãi mà các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp ông Nguyễn Văn D không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty Cổ phần MBN J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWOA7, biển kiểm soát: 34C-124.99, số khung LSB2FN078577, số máy 150507030167, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016168 ngày 23 tháng 02 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Văn Dương. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ, ông D phải tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu HUAJUN, biển kiểm soát 34R-013.72, số khung 3GE4F0005792 của nguyên đơn.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu 76.446.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng trả lại cho Công ty MBN J số

tiền 32.840.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/25E số 0007398 ngày 02/12/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.